

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN THUỘC PHẠM VI**  
**CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH LAI CHÂU**  
*(kèm theo Quyết định số       /QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu)*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (27 TTHC)**

| STT      | Mã TTHC                               | Lĩnh vực, tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                | Số lượng  | Phí/lệ phí |          |           |
|----------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------|----------|-----------|
|          |                                       |                                                                                                                                                                                                 |           | Phí        | Lệ phí   | Không     |
|          |                                       | <b>TỔNG</b>                                                                                                                                                                                     | <b>27</b> | <b>06</b>  | <b>0</b> | <b>21</b> |
| <b>I</b> | <b>TRỌNG TÀI THƯỜNG MẠI (05 TTHC)</b> |                                                                                                                                                                                                 | <b>05</b> | <b>03</b>  | <b>0</b> | <b>02</b> |
| 1        | 1.008885.000.00.00.H35                | Chấm dứt hoạt động Trung tâm trọng tài theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài                                                                                                                     |           |            |          | x         |
| 2        | 1.008889.000.00.00.H35                | Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác       |           | x          |          |           |
| 3        | 1.008904.000.00.00.H35                | Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam                              |           | x          |          |           |
| 4        | 1.008905.000.00.00.H35                | Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương |           | x          |          |           |
| 5        | 1.001248.000.00.00.H35                | Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam                                                  |           |            |          | x         |

| STT       | Mã TTHC                              | Lĩnh vực, tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                 | Số lượng  | Phí/lệ phí |          |           |
|-----------|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------|----------|-----------|
|           |                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |           | Phí        | Lệ phí   | Không     |
| <b>II</b> | <b>HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI (06 TTHC)</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>06</b> | <b>0</b>   | <b>0</b> | <b>06</b> |
| 1         |                                      | Bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài                                                                                                                                                                                                                                    |           |            |          | x         |
| 2         |                                      | Thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; đăng ký hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác                                                      |           |            |          | x         |
| 3         |                                      | Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam                                                                                                                                                                                     |           |            |          | x         |
| 4         | 1.008915.000.00.00.H35               | Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập                                                                                                                                                                         |           |            |          | x         |
| 5         | 1.008916.000.00.00.H35               | Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh |           |            |          | x         |
| 6         | 1.009283.000.00.00.H35               | Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành      |           |            |          | x         |

| STT        | Mã TTHC                            | Lĩnh vực, tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                               | Số lượng  | Phí/lệ phí |          |           |
|------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------|----------|-----------|
|            |                                    |                                                                                                                                                                                                                |           | Phí        | Lệ phí   | Không     |
|            |                                    | lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài                                                                                                                                 |           |            |          |           |
| <b>III</b> | <b>GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP (06 TTHC)</b> |                                                                                                                                                                                                                | <b>06</b> | <b>0</b>   | <b>0</b> | <b>06</b> |
| 1          | 2.000581.000.00.00.H35             | Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp                                                                                                                                                                     |           |            |          | x         |
| 2          | 2.000890.000.00.00.H35             | Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp                                                                                                                                                                 |           |            |          | x         |
| 3          | 2.000823.000.00.00.H35             | Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp                                                                                                                                                                  |           |            |          | x         |
| 4          | 2.000568.000.00.00.H35             | Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp                                                                                                                                           |           |            |          | x         |
| 5          | 1.001216.000.00.00.H35             | Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp                                                                                                                                                               |           |            |          | x         |
| 6          | 2.000555.000.00.00.H35             | Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp |           |            |          | x         |
| <b>IV</b>  | <b>ĐẤU GIÁ TÀI SẢN (06 TTHC)</b>   |                                                                                                                                                                                                                | <b>06</b> | <b>04</b>  | <b>0</b> | <b>02</b> |
| 1          | 2.001395.000.00.00.H35             | Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản                                                                                                                                                             |           | x          |          |           |
| 2          | 2.001247.000.00.00.H35             | Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản                                                                                                                                                   |           |            |          | x         |
| 3          |                                    | Phê duyệt Trang thông tin đấu giá trực tuyến                                                                                                                                                                   |           |            |          | x         |

| STT      | Mã TTHC                              | Lĩnh vực, tên thủ tục hành chính                                                                            | Số lượng  | Phí/lệ phí |          |           |
|----------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------|----------|-----------|
|          |                                      |                                                                                                             |           | Phí        | Lệ phí   | Không     |
| 4        | 2.002139.000.00.00.H35               | Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá                                                   |           | x          |          |           |
| 5        | 1.003915.H35                         | Cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá                                                                             |           | x          |          |           |
| 6        | 1.003915.H35                         | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá                                                                         |           | x          |          |           |
| <b>V</b> | <b>BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (03 TTHC)</b> |                                                                                                             | <b>03</b> | <b>0</b>   | <b>0</b> | <b>03</b> |
| 1        | 2.002193                             | Thủ tục xác định cơ quan giải quyết bồi thường                                                              |           |            |          | x         |
| 2        | 2.002192                             | Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp tỉnh) |           |            |          | x         |
| 3        | 2.002191                             | Thủ tục phục hồi danh dự                                                                                    |           |            |          | x         |

#### **B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (09 TTHC)**

| STT      | Mã TTHC                               | Lĩnh vực, tên thủ tục hành chính                                                                                | Số lượng  | Phí/ lệ phí |           |           |
|----------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------|-----------|
|          |                                       |                                                                                                                 |           | Phí         | Lệ phí    | Không     |
|          |                                       | <b>TỔNG</b>                                                                                                     | <b>09</b> | <b>0</b>    | <b>08</b> | <b>01</b> |
| <b>I</b> | <b>LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (03 TT)</b> |                                                                                                                 | <b>03</b> | <b>0</b>    | <b>02</b> | <b>01</b> |
| 1        | 2.001263.000.00.00.H35                | Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước                                                                           |           |             | x         |           |
| 2        | 2.002363.000.00.00.H35                | Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài |           |             |           | x         |

| STT        | Mã TTHC                              | Lĩnh vực, tên thủ tục hành chính                                                                              | Số lượng  | Phí/ lệ phí |           |          |
|------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------|----------|
|            |                                      |                                                                                                               |           | Phí         | Lệ phí    | Không    |
| 3          | 1.003005.000.00.00.H35               | Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi |           |             | x         |          |
| <b>II</b>  | <b>LĨNH VỰC HỘ TỊCH (07 TT)</b>      |                                                                                                               | <b>05</b> | <b>0</b>    | <b>05</b> | <b>0</b> |
| 1          | 1.000894.000.00.00.H35               | Đăng ký kết hôn                                                                                               |           |             | x         |          |
| 2          | 2.000806.000.00.00.H35               | Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài                                                                          |           |             | x         |          |
| 3          | 1.004746.000.00.00.H35               | Đăng ký lại kết hôn                                                                                           |           |             | x         |          |
| 4          | 2.000513.000.00.00.H35               | Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài                                                                      |           |             | x         |          |
| 5          | 1.000094.000.00.00.H35               | Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới                                                    |           |             | x         |          |
| 6          | 1.000689.000.00.00.H35               | Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con                                                           |           |             |           |          |
| 7          | 1.001695.000.00.00.H35               | Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài                                      |           |             |           |          |
| <b>III</b> | <b>BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (01 TTHC)</b> |                                                                                                               | <b>01</b> | <b>0</b>    | <b>01</b> | <b>0</b> |
| <b>1</b>   | 2.002165.000.00.00.H35               | Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)     |           |             | x         |          |